

Số: 112/2026/QĐST-DS

Thanh Hoá, ngày 02 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2026, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 73/TLST-DS, ngày 11 tháng 5 năm 2026, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V1; địa chỉ: số H L, phường Đ, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc Q – chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ khách hàng cá nhân. Ông Q uỷ quyền lại cho ông Lê Ngọc V – chức vụ: chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: tầng C, trung tâm thương mại T, số B Đại lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa (Văn bản uỷ quyền ngày 04/4/2026).

- Bị đơn: Anh Trịnh Đăng N, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn P, xã C, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng TMCP V1 và anh Trịnh Đăng N có ký hợp đồng cho vay hạn mức cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2409253848008 ngày 4/12/2024 và khế ước nhận nợ kèm theo ngày 04/12/2024, số tiền vay là 968.000.000 đồng (*Chín trăm sáu mươi tám triệu đồng*);

- Hợp đồng cho vay số LN2505125546263 ký ngày 21/5/2025, số tiền vay là: 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*).

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 05/12/2024; hạn mức được cấp là: 100.000.000 đồng (số tiền thực tế giải ngân 74.500.000 đồng).

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 04/8/2025; số tiền vay hạn mức là: 300.000.000 đồng.

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/5/2025, có nội dung: Hạn mức đề nghị: 30.000.000 đồng.

2.2. Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: Thửa đất số 967, tờ bản đồ số 22, diện tích 230.2m². Địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn L, xã Y, tỉnh Thanh Hóa). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO593259, cấp ngày 31/8/2018 cho ông Trịnh Đăng N.

Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

2.3. Về số tiền nợ: Tính đến ngày 25/5/2026 anh Trịnh Đăng N còn nợ Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền gốc và lãi là 1.888.214.265 đồng (trong đó, Nợ gốc: 1.713.244.650 đồng, Nợ lãi trong hạn 153.706.968 đồng, Nợ lãi quá hạn 21.262.647 đồng).

2.4. Về thời gian và phương thức thanh toán:

Chậm nhất là ngày 25/6/2026 anh **Trịnh Đăng N** phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trên cho **Ngân hàng TMCP V1** và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/5/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc cho nguyên đơn.

Trường hợp anh **Trịnh Đăng N** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp LN2409253848008 ngày 4/12/2024; hợp đồng thế chấp LN2505125546263 ngày 15/5/2025 để thanh toán cho toàn bộ khoản nợ trên.

Trường hợp tài sản của anh **Trịnh Đăng N** không đủ để trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác minh, kê biên phát mại tài sản khác của bà **X** để trả nợ cho nguyên đơn.

2.5. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của anh **Trần Đăng N1** về việc nhận nộp toàn bộ án phí DSST. Anh **N1** phải nộp 34.323.214đ (*Ba mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm mười bốn đồng*) án phí DSST.

Trả lại cho **Ngân hàng TMCP V1** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.128.000đ, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003576, ngày 11/5/2026, nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Thanh Hoá.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 12 – Thanh Hoá;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trọng Sơn

